

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là
Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 42

Công ty Cổ phần Vicostone [tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”), tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 2 tháng 6 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 vào ngày 19 tháng 4 năm 2017. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp này, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS thành Công ty Cổ phần Vicostone.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Lan Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2017
Miễn nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Xuân Năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Phạm Anh Tuấn được ông Hồ Xuân Năng ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 171/2017/UQ-Vicostone ngày 25 tháng 4 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vicostone [tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60999244/19317793/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vicostone

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”), tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS, được lập ngày 7 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.024.856.411.972	2.729.081.767.293
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	422.700.230.535	433.971.607.316
111	1. Tiền		170.894.958.035	204.816.602.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		251.805.272.500	229.155.005.028
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.012.929.483.740	699.403.325.617
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	837.220.604.336	685.811.581.102
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		54.488.290.868	11.942.373.761
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		50.129.329	50.129.329
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	121.927.504.676	2.356.286.894
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(757.045.469)	(757.045.469)
140	III. Hàng tồn kho	7	1.312.511.529.022	1.458.170.374.347
141	1. Hàng tồn kho		1.324.725.727.108	1.478.805.743.829
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.214.198.086)	(20.635.369.482)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		276.715.168.675	137.536.460.013
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.024.143.858	3.120.538.968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		175.692.141.234	134.415.921.045
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	98.998.883.583	-

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		543.788.219.005	589.202.341.970
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000	30.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
220	II. Tài sản cố định		518.012.804.679	548.377.023.352
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	503.110.952.031	533.661.513.018
222	Nguyên giá		1.179.235.882.317	1.178.284.256.783
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(676.124.930.286)	(644.622.743.765)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	14.901.852.648	14.715.510.334
228	Nguyên giá		26.991.215.497	25.593.215.497
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.089.362.849)	(10.877.705.163)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		11.932.689.239	4.674.389.078
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	11.932.689.239	4.674.389.078
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		-	20.431.293.600
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		-	20.431.293.600
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.812.725.087	15.689.635.940
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	13.812.725.087	15.689.635.940
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.568.644.630.977	3.318.284.109.263

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.690.861.099.636	1.881.645.254.148
310	I. Nợ ngắn hạn		1.690.354.554.184	1.705.038.359.773
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	315.825.809.985	540.689.538.667
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.909.731.347	9.432.855.894
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.982.341.946	50.907.565.233
314	4. Phải trả người lao động		3.165.741.877	2.817.678.011
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	120.859.049.750	536.697.775
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	1.215.493.555.971	1.083.352.550.815
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	23.118.323.308	17.301.473.378
330	II. Nợ dài hạn		506.545.452	176.606.894.375
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	-	176.047.133.246
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		506.545.452	559.761.129
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.877.783.531.341	1.436.638.855.115
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	1.877.783.531.341	1.436.638.855.115
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	600.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		60.800.000	60.800.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		88.958.137.122	61.780.736.819
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.188.764.594.219	774.797.318.296
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		734.648.902.854	300.366.099.878
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		454.115.691.365	474.431.218.418
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.568.644.630.977	3.318.284.109.263



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	2.219.953.039.031	1.453.962.582.872
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần (10= 01-02)	19.1	2.219.953.039.031	1.453.962.582.872
11	4. Giá vốn hàng bán	20	1.632.079.496.512	1.018.656.024.812
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10 - 11)		587.873.542.519	435.306.558.060
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	36.188.800.119	14.908.523.380
22	7. Chi phí tài chính	21	28.494.909.701	29.919.754.897
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		23.629.076.814	26.773.502.839
25	8. Chi phí bán hàng	22	46.670.653.458	37.909.731.017
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	25.739.126.912	24.914.019.439
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		523.157.652.567	357.471.576.087
31	11. Thu nhập khác		637.655.727	397.343.047
32	12. Chi phí khác		594.861.683	29.319.340
40	13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)		42.794.044	368.023.707
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		523.200.446.611	357.839.599.794
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(54.382.788.032)	61.780.492.794
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50 - 51 - 52)		577.583.234.643	296.059.107.000
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	6.931	3.553
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	6.931	3.553



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		523.200.446.611	357.839.599.794
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		34.683.475.816	33.285.029.477
03	Các khoản dự phòng		(8.421.171.396)	(6.170.962.521)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(71.498.075)	(3.685.911.285)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.743.386.830)	(2.172.693.622)
06	Chi phí lãi vay	21	23.629.076.814	26.773.502.839
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		549.276.942.940	405.868.564.682
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(450.351.916.364)	40.035.525.854
10	Giảm hàng tồn kho		154.080.016.721	134.238.550.977
11	Giảm các khoản phải trả		(72.639.097.897)	(37.899.619.810)
12	Giảm chi phí trả trước		2.973.305.963	2.080.069.498
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.284.676.814)	(26.773.502.839)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(88.050.389.739)	(56.654.561.772)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.621.708.487)	(9.104.639.733)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		61.382.476.323	451.790.386.857
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(69.869.352.794)	(72.537.000.757)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		110.000.000	-
23	Tiền chi cho vay		-	(310.082.483)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	6.314.483.816
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.487.040.000	9.095.756.852
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.587.640.431	2.379.360.288
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(25.684.672.363)	(55.057.482.284)

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		982.110.754.247	806.628.487.473
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.029.520.146.426)	(921.084.189.199)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(24.219.375)	(169.539.895.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(47.433.611.554)	(283.995.597.226)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(11.735.807.594)	112.737.307.347
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		433.971.607.316	295.042.603.585
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		464.430.813	(492.131.891)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	422.700.230.535	407.287.779.041



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga



Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”), tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 vào ngày 19 tháng 4 năm 2017. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp này, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS thành Công ty Cổ phần Vicostone.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 598 (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 614 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 12 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí khác.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập để phục vụ việc nghiên cứu, thử nghiệm các nguyên vật liệu, hóa chất mới phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng và bất động sản

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa/bất động sản đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa/bất động sản.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	284.628.209	368.026.848
Tiền gửi ngân hàng	170.610.329.826	204.448.575.440
Các khoản tương đương tiền	251.805.272.500	229.155.005.028
TỔNG CỘNG	<u>422.700.230.535</u>	<u>433.971.607.316</u>

Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng tại một số ngân hàng thương mại với mức lãi suất từ 4,8% – 5,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4,5% – 5,5%/năm).

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng	445.252.111.749	411.153.198.863
- Công ty Pental Granite & Marble	168.295.628.291	167.091.883.482
- Công ty Australian Stone Design Marble Work	146.183.159.225	145.034.272.586
- Các khoản phải thu khách hàng khác	130.773.324.233	99.027.042.795
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	391.968.492.587	274.658.382.239
TỔNG CỘNG	837.220.604.336	685.811.581.102
Dự phòng phải thu ngắn hạn từ khách hàng	(757.045.469)	(757.045.469)

6. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu nhân viên	1.927.504.676	2.356.286.894
Ký quỹ phát hành thư tín dụng	120.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	121.927.504.676	2.356.286.894
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG	30.000.000	30.000.000

7. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	33.216.653.084	-	26.704.251.421	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	119.544.917.163	-	110.092.084.679	-
Công cụ, dụng cụ	30.684.437.529	-	27.377.003.498	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.232.164.797	-	42.920.615.379	-
Bất động sản để bán đang xây dựng	-	-	275.356.571.531	-
Thành phẩm	262.109.979.749	(12.214.198.086)	315.192.843.718	(20.635.369.482)
Hàng hóa	810.937.574.786	-	681.162.373.603	-
TỔNG CỘNG	1.324.725.727.108	(12.214.198.086)	1.478.805.743.829	(20.635.369.482)

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. **HÀNG TỒN KHO** (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(20.635.369.482)	(33.757.598.014)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	8.421.171.396	6.272.283.305
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 (*)	<u>(12.214.198.086)</u>	<u>(27.485.314.709)</u>

(*) Đây là khoản dự phòng được trích lập cho một số sản phẩm đá Breston. Các sản phẩm này, theo đánh giá của Phòng Vật tư, Phòng Quản lý Chất lượng và Ban Kinh doanh của Công ty, có chất lượng bị giảm sút, lỗi thời và không đáp ứng được yêu cầu bán hàng và thị hiếu của người tiêu dùng.

Trong kỳ, một phần khoản dự phòng đã được sử dụng do bán được một số sản phẩm đã được trích lập dự phòng vào các năm trước.

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	156.502.943.525	974.908.464.454	27.838.870.233	13.483.580.475	5.550.398.096	1.178.284.256.783	
- Mua trong kỳ	-	2.112.643.878	861.828.942	-	-	2.974.472.820	
- Thanh lý trong kỳ	-	-	(2.022.847.286)	-	-	(2.022.847.286)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	156.502.943.525	977.021.108.332	26.677.851.889	13.483.580.475	5.550.398.096	1.179.235.882.317	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	47.404.539.925	270.208.693.746	12.594.270.158	2.440.706.508	5.550.398.096	338.198.608.433	
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	86.240.913.599	524.855.620.340	19.611.690.074	8.364.121.656	5.550.398.096	644.622.743.765	
- Khấu hao trong kỳ	4.257.963.721	27.256.997.465	1.044.292.999	965.779.622	-	33.525.033.807	
- Thanh lý trong kỳ	-	-	(2.022.847.286)	-	-	(2.022.847.286)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	90.498.877.320	552.112.617.805	18.633.135.787	9.329.901.278	5.550.398.096	676.124.930.286	
Giá trị còn lại:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	70.262.029.926	450.052.844.114	8.227.180.159	5.119.458.819	-	533.661.513.018	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	66.004.066.205	424.908.490.527	8.044.716.102	4.153.679.197	-	503.110.952.031	
Trong đó:							
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	48.186.602.099	413.779.542.957	4.741.365.505	1.825.468.332	-	468.532.978.893	

(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	25.555.215.497	38.000.000	25.593.215.497
- Mua trong kỳ	1.398.000.000	-	1.398.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	26.953.215.497	38.000.000	26.991.215.497
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	191.967.400	38.000.000	229.967.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	10.839.705.163	38.000.000	10.877.705.163
- Hao mòn trong kỳ	1.211.657.686	-	1.211.657.686
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	12.051.362.849	38.000.000	12.089.362.849
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	14.715.510.334	-	14.715.510.334
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	14.901.852.648	-	14.901.852.648
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố/ thế chấp (*)</i>	14.426.265.106	-	14.426.265.106
(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 15.			

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	5.575.005.922	1.407.876.759
Sửa chữa	4.769.457.466	2.838.277.753
Mua sắm	1.588.225.851	428.234.566
TỔNG CỘNG	11.932.689.239	4.674.389.078

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.431.450.939	1.580.901.792
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	592.692.919	1.539.637.176
TỔNG CỘNG	2.024.143.858	3.120.538.968
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	7.074.359.327	7.211.725.528
Công cụ, dụng cụ	2.087.485.918	2.174.060.957
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.109.656.841	1.547.608.434
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.541.223.001	4.756.241.021
TỔNG CỘNG	13.812.725.087	15.689.635.940

(*) Đây là khoản thanh toán lần 2 tiền thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng và thông tin cụ thể được trình bày cụ thể ở Thuyết minh số 28.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Eternal Materials Co., Ltd.	69.865.099.920	69.865.099.920	80.020.248.000	80.020.248.000
- SHCP Pte, Ltd.	69.020.424.000	69.020.424.000	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	104.204.552.012	104.204.552.012	108.316.406.534	108.316.406.534
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	<u>72.735.734.053</u>	<u>72.735.734.053</u>	<u>352.352.884.133</u>	<u>352.352.884.133</u>
TỔNG CỘNG	315.825.809.985	315.825.809.985	540.689.538.667	540.689.538.667
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.434.294.188	44.616.095.551	(88.050.389.739)	-
Thuế nhập khẩu	4.968.504.464	3.931.849.704	(2.918.552.227)	5.981.801.941
Thuế và các khoản phải nộp khác	<u>2.504.766.581</u>	<u>21.833.618.090</u>	<u>(24.337.844.666)</u>	<u>540.005</u>
TỔNG CỘNG	<u>50.907.565.233</u>	<u>70.381.563.345</u>	<u>(115.306.786.632)</u>	<u>5.982.341.946</u>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số cần trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (*)	-	109.237.681.136	(10.238.797.553)	98.998.883.583
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>109.237.681.136</u>	<u>(10.238.797.553)</u>	<u>98.998.883.583</u>

(*) Trong kỳ, Công ty đã tính lại chi phí thuế TNDN cho năm 2015 và 2016 như được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 24.1.

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cổ tức phải trả	120.453.872.050	478.091.425
Kinh phí công đoàn	50.378.250	48.206.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>354.799.450</u>	<u>10.399.450</u>
TỔNG CỘNG	<u>120.859.049.750</u>	<u>536.697.775</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	28.872.363.750	536.697.775
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	91.986.686.000	-

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn (*)	1.083.352.550.815	1.083.352.550.815	1.010.152.754.247	(878.011.749.091)	1.215.493.555.971	1.215.493.555.971	
Vay dài hạn	176.047.133.246	176.047.133.246	-	(176.047.133.246)	-	-	
TỔNG CỘNG	1.259.399.684.061	1.259.399.684.061	1.010.152.754.247	(1.054.058.882.337)	1.215.493.555.971	1.215.493.555.971	

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	213.358.244.230	9.370.147	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long	198.022.362.556	8.696.634	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 3 năm 2018
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	180.821.256.977	7.941.206	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất	168.162.296.881	7.385.257	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh sở giao dịch	118.190.110.929	5.188.328	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2017 tới tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tây Hà Nội	117.417.844.680	5.152.165	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Láng Hòa Lạc	112.381.193.598	4.935.494	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Thành	58.011.129.000	2.547.700	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 8 năm 2017 đến tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	42.979.117.120	1.886.704	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 2 năm 2018
Vay ngắn hạn khác	6.150.000.000	-	Lãi và gốc phải trả vào ngày 27 tháng 5 năm 2018
TỔNG CỘNG	1.215.493.555.971	53.103.635	

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	17.301.473.378	10.847.183.801
Trích quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 17.1)	16.438.558.417	21.476.565.360
Sử dụng quỹ trong kỳ	(10.621.708.487)	(9.104.639.733)
Số cuối kỳ	23.118.323.308	23.219.109.428

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	86.528.858.029	414.730.008.543	983.684.202.057
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(322.000.000.000)	369.627.974.515	(47.627.974.515)	-	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	22.879.853.305	(22.879.853.305)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(21.476.565.360)	(21.476.565.360)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(84.798.902.000)	(84.798.902.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	296.059.107.000	296.059.107.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	529.992.510.000	60.800.000	-	61.780.736.819	581.633.794.878	1.173.467.841.697
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	600.000.000.000	60.800.000	-	61.780.736.819	774.797.318.296	1.436.638.855.115
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	27.177.400.303	(27.177.400.303)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(16.438.558.417)	(16.438.558.417)
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	577.583.234.643	577.583.234.643
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	600.000.000.000	60.800.000	-	88.958.137.122	1.188.764.594.219	1.877.783.531.341

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/VCS-DHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 11/2017/NQ/VCS-HĐQT ngày 3 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 với tỷ lệ phát hành 20.000.000/60.000.000 (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số cổ phiếu đang lưu hành). Ngày 4 tháng 7 năm 2017 là ngày đăng ký danh sách cổ đông cuối cùng để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Công văn số 52/2017 CV/VCS-QHCEĐ ngày 27 tháng 5 năm 2017 về việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, số lượng cổ phiếu được Công ty dự kiến phát hành thêm là 20.000.000 cổ phiếu.

(**) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016, 2017, tạm ứng cổ tức trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/VCS-DHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 14/2017/NQ/VCS-HĐQT vào ngày 27 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông	%	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông	%
Vốn góp cổ đông	600.000.000.000	60.000.000	100	600.000.000.000	60.000.000	100%
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	459.933.430.000	45.993.343	76,66	434.933.430.000	43.493.343	72,49
- Vốn góp của các đối tượng khác	140.066.570.000	14.006.657	23,34	165.066.570.000	16.506.657	27,51
Thặng dư vốn cổ phần	60.800.000	-	-	60.800.000	-	-
TỔNG CỘNG	600.060.800.000	60.000.000	100	600.060.800.000	60.000.000	100

17.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức đã công bố trong kỳ	120.000.000.000	84.798.902.000
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>84.798.902.000</i>
Tạm chia cổ tức cho năm 2017 (VND 2.000/cổ phiếu)	120.000.000.000	-
Tạm chia cổ tức cho năm 2016 (VND 2.000/cổ phiếu)	-	84.798.902.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.4 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
	<i>Số lượng</i>	<i>Số lượng</i>
Cổ phiếu đã đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	60.000.000	60.000.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2016: VND 10.000/cổ phiếu).

18. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	5.964.575	6.752.934
- Euro (EUR)	53.879	1.090.643
- Đô la Canada (CAD)	698.317	-

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	2.219.953.039.031	1.453.962.582.872
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>1.942.048.859.454</i>	<i>1.453.962.582.872</i>
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>277.904.179.577</i>	<i>-</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	2.219.953.039.031	1.453.962.582.872
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>981.429.710.541</i>	<i>414.714.917.242</i>

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi từ chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam, công ty liên kết của Công ty	20.055.746.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.545.413.288	12.735.829.758
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.587.640.431	1.226.880.000
Cổ tức được chia	-	945.813.622
TỔNG CỘNG	36.188.800.119	14.908.523.380

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.090.315.183.292	809.814.595.262
Giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng đã bán	290.420.329.401	221.631.219.857
Giá vốn của bất động sản đã bán	277.904.179.577	-
Thu nhập từ hoàn thuế nhập khẩu	(17.980.629.954)	(6.416.503.471)
Sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.421.171.396)	(6.272.283.305)
Giá vốn khác	(158.394.408)	(101.003.531)
TỔNG CỘNG	1.632.079.496.512	1.018.656.024.812

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền vay	23.629.076.814	26.773.502.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.803.965.807	3.146.252.058
Khác	61.867.080	-
TỔNG CỘNG	<u>28.494.909.701</u>	<u>29.919.754.897</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí vận chuyển xếp dỡ	33.576.793.540	27.901.510.127
- Chi phí đóng hàng	3.865.212.284	2.688.432.361
- Chi phí bán hàng khác	9.228.647.634	7.319.788.529
TỔNG CỘNG	<u>46.670.653.458</u>	<u>37.909.731.017</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí lương quản lý	12.597.866.121	12.328.423.646
- Chi phí khấu hao	4.180.507.815	4.080.182.962
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.960.752.976	8.505.412.831
TỔNG CỘNG	<u>25.739.126.912</u>	<u>24.914.019.439</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	1.271.869.683.228	890.972.574.390
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	277.904.179.577	-
Chi phí nhân công	42.874.564.804	42.510.394.998
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	34.683.475.816	33.285.029.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.444.679.360	46.548.458.975
Chi phí khác	6.079.598.054	6.673.605.407
TỔNG CỘNG	<u>1.684.856.180.839</u>	<u>1.019.990.063.247</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") như sau:

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 1 là dự án đầu tư ban đầu:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm bắt đầu từ khi Công ty đi vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2016, và 20% lợi nhuận chịu thuế trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2006 đến năm 2008) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2009 đến năm 2015). Theo đó, thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong kỳ là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 2 là dự án đầu tư mở rộng:

Dự án đầu tư vào nhà máy 2 của Công ty thỏa mãn điều kiện là dự án đầu tư mở rộng theo Thông tư 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 96"). Theo đó, Công ty áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, cụ thể là miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo. Nhà máy 2 có lợi nhuận chịu thuế từ năm 2014. Tuy nhiên, Thông tư 96 chỉ áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015, do đó, thời gian miễn thuế của Công ty được tính từ năm 2015 đến năm 2017 và Công ty được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (năm 2018 đến năm 2026). Do đó, thu nhập từ hoạt động bán sản phẩm của Nhà máy 2 của Công ty cho kỳ hiện tại được miễn thuế TNDN.

Đối với hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.854.893.104	61.780.492.794
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa các năm trước (*)	(109.237.681.136)	-
TỔNG CỘNG	(54.382.788.032)	61.780.492.794

(*) Trong kỳ, Công ty đã xác định lại thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 2 của Công ty. Như được trình bày ở trên, hoạt động này được miễn thuế TNDN trong 3 năm từ năm 2015 đến năm 2017. Do đó, Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN của năm 2015 và 2016 với số tiền là 109.237.681.136 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	523.200.446.611	357.839.599.794
Thuế TNDN theo mức thuế suất 20%	104.640.089.322	61.489.630.108
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Khoản phạt nộp chậm	1.113.309	5.477.635
Các khoản chi phí không được khấu trừ	70.723.335	285.385.051
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong kỳ này	(88.277.997)	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	(49.768.754.865)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(109.237.681.136)	-
Chi phí thuế TNDN	(54.382.788.032)	61.780.492.794

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo địa điểm địa lý nơi Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một thị trường kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

25.1 Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên các khu vực địa lý khác nhau chủ yếu bao gồm sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh, chuyển nhượng bất động sản. Thông tin về doanh thu và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	699.419.500.986	1.520.533.538.045	2.219.953.039.031
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	699.419.500.986	1.520.533.538.045	2.219.953.039.031
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	61.312.831.833	509.327.030.550	570.639.862.383
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(17.233.680.136)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	587.873.542.519
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(64.673.095.908)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	523.200.446.611
Chi phí thuế TNDN	-	-	54.382.788.032
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	577.583.234.643
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	97.278.945.492	739.184.613.375	836.463.558.867
Tài sản không phân bổ	-	-	2.732.181.072.110
Tổng tài sản	-	-	3.568.644.630.977
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.570.861.099.636
Tổng nợ phải trả	-	-	1.690.861.099.636
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	-	4.372.472.820
Khấu hao	-	-	34.683.475.816
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	250.207.778.027	1.203.754.804.845	1.453.962.582.872
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	250.207.778.027	1.203.754.804.845	1.453.962.582.872
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	8.984.714.031	413.551.412.790	422.536.126.821
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(12.770.431.239)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	435.306.558.060
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(77.466.958.266)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	357.839.599.794
Chi phí thuế TNDN	-	-	(61.780.492.794)
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	296.059.107.000
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	3.846.464.710	459.991.312.648	463.837.777.358
Tài sản không phân bổ	-	-	2.263.157.204.108
Tổng tài sản	-	-	2.726.994.981.466
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.553.527.139.769
Tổng nợ phải trả	-	-	1.553.527.139.769
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	-	1.056.309.546
Khấu hao	-	-	33.361.568.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

25.1 Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Các khoản giá vốn hàng bán không phân bổ chủ yếu bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và một số giá vốn khác không phân bổ được theo khu vực địa lý.

Các khoản thu nhập và chi phí ngoài giá vốn hàng bán, các tài sản ngoài nợ phải thu khách hàng và dự phòng phải thu tương ứng và các khoản nợ phải trả, do không tách riêng được mục đích cho từng hoạt động mà không phân bổ theo khu vực địa lý.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng công ty mẹ	Mua hàng hóa Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm	369.654.083.808 147.194.435.931	314.947.882.779 126.701.170.976
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty liên kết của công ty mẹ	Doanh thu thành phẩm, vật tư	302.267.433.471	164.736.551.319
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 5 năm 2017)	Doanh thu thành phẩm, vật tư Mua vật tư, thành phẩm Cổ tức được chia Cổ tức thu qua Trung tâm lưu ký chứng khoán	111.695.178.988 84.869.886.853	31.754.820.030 53.346.679.510 - - 1.224.144.000 - 2.736.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư Doanh thu chuyển nhượng bất động sản Mua hàng hóa Cổ tức phải trả	142.061.751.765 277.904.179.577 376.579.202.629 91.986.686.000	91.522.374.917 - 76.176.082.858 122.949.284.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng công ty mẹ	Doanh thu thành phẩm	306.730.809	-
		Mua hàng hóa, văn phòng phẩm	1.214.897.079	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng công ty mẹ	Chi phí thi công xây dựng	2.765.321.149	20.161.496.737

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua/bán hàng, bất động sản, dịch vụ với các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường, mức giá này được phê duyệt của Hội đồng Quản trị.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ kế toán giữa niên độ không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ khoản phải thu về cho vay ngắn hạn) và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cản trừ công nợ. Các khoản phải thu từ bên liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 5.1 có thời hạn thanh toán từ 3 đến 12 tháng. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi giai đoạn tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 5)</i>				
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng công ty mẹ	Phải thu về bán đá thành phẩm	302.700.552.016	238.555.698.877
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu về bán vật tư, thành phẩm	89.267.940.571	36.102.683.362
			391.968.492.587	274.658.382.239
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng công ty mẹ	Tạm ứng tiền thi công xây dựng	1.510.293.543	3.835.458.643
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Công nghệ Sitech Toàn cầu	Công ty cùng công ty mẹ	Tạm ứng tiền dịch vụ	82.722.500	52.257.000
			1.593.016.043	3.887.715.643

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

			Đơn vị tính: VND	
	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 12)				
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng công ty mẹ	Phải trả về mua đá thành phẩm	46.672.165.317	157.052.363.211
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả tiền mua đá thành phẩm	22.412.696.697	177.403.232.944
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng công ty mẹ	Phải trả tiền thi công xây dựng	3.431.318.669	17.775.815.779
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và công nghệ Sitetech Toàn Cầu	Công ty cùng công ty mẹ	Phải trả về tư vấn thiết kế	-	97.899.089
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng công ty mẹ	Phải trả tiền văn phòng phẩm, vật tư	219.553.370	23.573.110
			72.735.734.053	352.352.884.133
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	91.986.686.000	-
			91.986.686.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và thưởng	5.387.227.911	4.512.399.655
TỔNG CỘNG	5.387.227.911	4.512.399.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	577.583.234.643	296.059.107.000
Trích quỹ khen, thưởng phúc lợi (*)	(23.103.329.386)	(11.842.364.280)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	554.479.905.257	284.216.742.720
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	80.000.000	80.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	6.931	3.553
- Lãi suy giảm	6.931	3.553

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối là 4% lợi nhuận sau thuế TNDN. Dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017.

(**) Như được trình bày ở Thuyết minh số 17.1, vào ngày 3 tháng 5 năm 2017, Nghị quyết số 11/2017 NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 với tỷ lệ phát hành 20.000.000/60.000.000 (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số cổ phiếu đang lưu hành). Ngày 4 tháng 7 năm 2017 là ngày đăng ký danh sách cổ đông cuối cùng để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Công văn số 52/2017 CV/VCS-QHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2017 về việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, số lượng cổ phiếu được Công ty dự kiến phát hành thêm là 20.000.000 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đã được điều chỉnh để phản ánh giao dịch này.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đến 1 năm	226.210.950	226.210.950
Trên 1 – 5 năm	904.843.800	904.843.800
Trên 5 năm	2.149.004.025	2.262.109.500
TỔNG CỘNG	3.280.058.775	3.393.164.250

Ngoài ra, Công ty đang thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 14.686.208.747 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam/m²/năm. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty còn phải thanh toán tiền thuê đất với số tiền là 4.343.104.373 đồng Việt Nam khi Công ty nhận bàn giao thực địa (đất có hạ tầng) theo quy định của hợp đồng này.

Kiện tụng

Trong tháng 5 năm 2013, Công ty đã nhận được đơn kiện của Công ty TNHH Cambria ("Cambria"), một công ty được thành lập tại Mỹ, về việc Công ty đã vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ khi bán một số sản phẩm của Công ty tại thị trường Mỹ. Vụ kiện này đang được Tòa án Quận của tiểu bang Minnesota thụ lý giải quyết.

Công ty đã chỉ định Sapientia Law Group PLLC là đại diện của Công ty trong vụ kiện này. Vào ngày 6 tháng 11 năm 2013, tòa án Quận Minnesota đã ra quyết định tạm dừng xử lý vụ kiện. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, hiện tại, chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ kiện này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga



Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn



Ngày 7 tháng 8 năm 2017

